

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động ban hành theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT ngày 09/5/2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 10/BB-DKPM-HĐQT ngày 14/4/2016 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-DKPM-HĐQT ngày 14/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (*chi tiết theo nội dung đính kèm*).

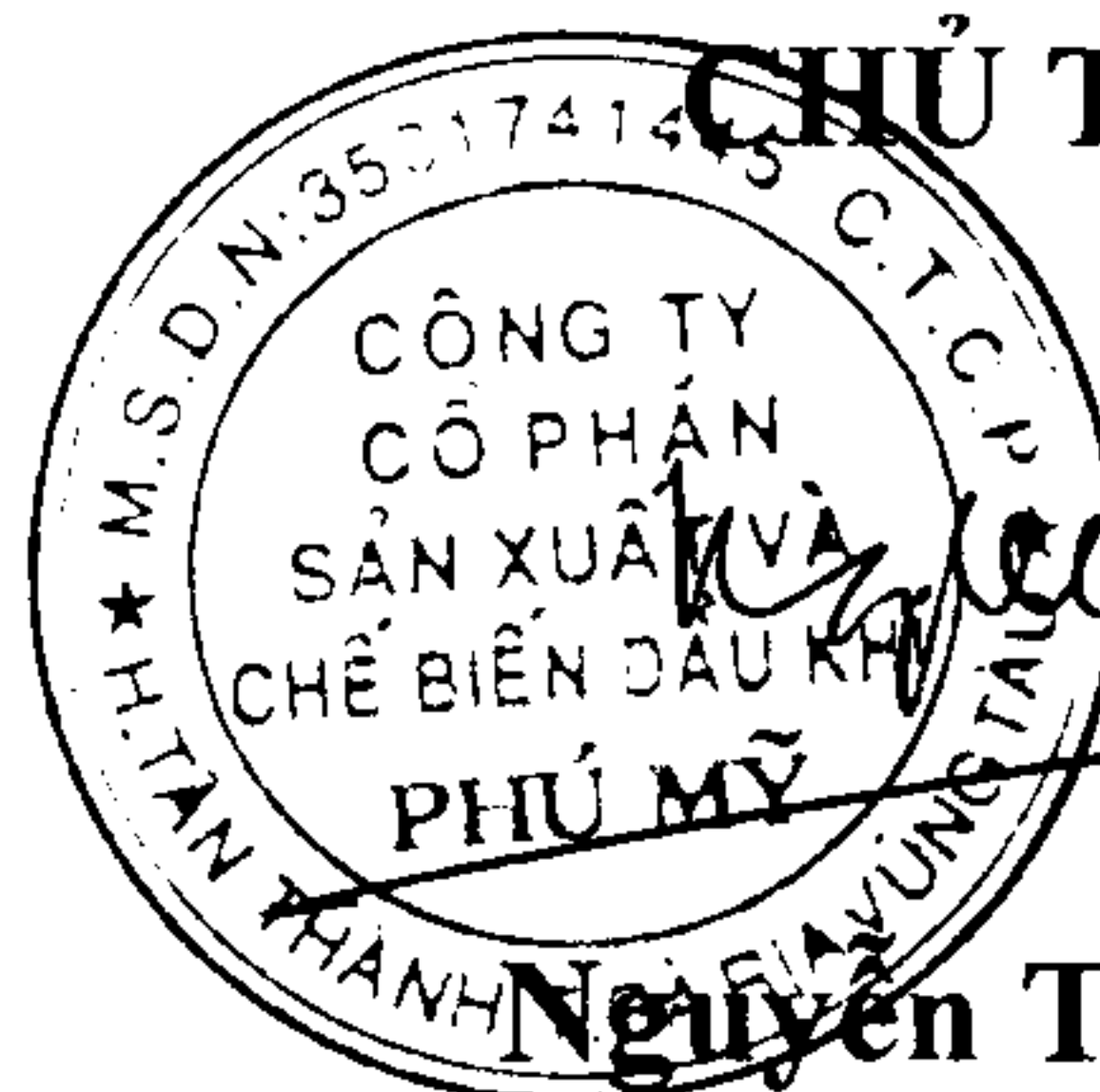
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng/Ban Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- HĐQT;
- BKS;
- BGD (để thực hiện);
- KTT, Trưởng các phòng/ban;
- Lưu: VT, HĐQT, LHP (02b).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trí Dũng**

**MỤC LỤC**

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	3
Điều 1: Định nghĩa.....	3
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	3
Điều 3: Mục tiêu của Công ty .....	4
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	5
Điều 6: Cổ phiếu.....	6
Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán.....	7
Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần .....	7
Điều 9: Thu hồi cổ phần .....	8
Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty .....	9
Điều 11: Quyền hạn của cổ đông Công ty.....	9
Điều 12: Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông.....	10
Điều 13: Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14: Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15: Các đại diện được uỷ quyền.....	14
Điều 16: Thay đổi các quyền .....	14
Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 19: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 24: Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 25: Nhiệm kỳ, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 26: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27: Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	25
Điều 28: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	26
Điều 29: Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30: Công khai các lợi ích liên quan.....	29
Điều 31: Người đại diện theo pháp luật và tổ chức bộ máy quản lý .....	31
Điều 32: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc và Người quản lý khác .....	31
Điều 33: Giám đốc Công ty .....	32
Điều 34: Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.....	33
Điều 35: Thư ký Công ty.....	34
Điều 36: Trách nhiệm và Người quản lý Công ty .....	34
Điều 37: Trách nhiệm trung thực và các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 38: Ban kiểm Soát.....	36

Điều 39: Kiểm soát viên .....	39
Điều 40: Quy chế nội bộ và hoạt động của tổ chức chính trị xã hội trong Công ty .....	39
Điều 41: Cổ tức.....	40
Điều 42: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ .....	41
Điều 43: Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 44: Năm tài khóa.....	42
Điều 45: Hệ thống kế toán.....	42
Điều 46: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý .....	42
Điều 47: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng .....	43
Điều 48: Kiểm toán .....	44
Điều 49: Con dấu .....	44
Điều 50: Chấm dứt hoạt động .....	45
Điều 51: Thanh lý .....	46
Điều 52: Giải quyết tranh chấp.....	47
Điều 53: Bổ sung và sửa Điều lệ .....	47
Điều 54: Hiệu lực thi hành.....	47

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ - tên giao dịch là PV Oil Phú Mỹ sau đây viết tắt là "Công ty", đây là một trong những cơ sở pháp lý của Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty, các nghị quyết của cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định bắt buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ sửa đổi này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2016, gồm có các Điều, khoản như sau:

### Điều 1. Định nghĩa

- "**Vốn Điều lệ**" có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được ghi tại Điều 5 Điều lệ này;
- "**Luật doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014;
- "**Người quản lý**" bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban và các chức danh tương đương;
- "**Người có liên quan**" là bất kỳ tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật doanh nghiệp.

### Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

#### 1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ**
- Tên tiếng Anh: **PETROVIETNAM OIL PHU MY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **PV OIL PHÚ MỸ**
- Tên viết tắt: **PV OIL PHÚ MỸ**

2. Công ty là một công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty
  - Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
  - Điện thoại: +84 (64) 393 6798
  - Fax: +84 (64) 393 6367
4. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi được chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này.

### **Điều 3. Mục tiêu của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty
  - Sản xuất và chế biến sản phẩm dầu mỏ;
  - Mua bán, kinh doanh sản phẩm dầu mỏ như: Các loại xăng dầu, dầu nhờn, hóa chất và các loại chế phẩm dầu mỏ khác;
  - Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu;
  - Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel). Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học;
  - Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại;
  - Xuất nhập khẩu phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu;
  - Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu;
  - Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu;
  - Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm dầu mỏ;
  - Kiểm tra, phân tích chất lượng xăng dầu và dịch vụ thử nghiệm, cấp chứng chỉ mẫu xăng dầu;
  - Cho thuê kho bãi.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành tự do kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận nhằm:

- Thu lợi nhuận tối đa;
- Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông;
- Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của Người lao động;
- Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- Đóng góp cho ngân sách Nhà nước;
- Các quyền khác quy định tại Điều 7 Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ Công ty là 500.000.000,0 đồng Việt nam (năm trăm tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty chia thành 50.000.000 (năm mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần;
- Công ty có thể tăng/giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần

- Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ bao gồm toàn bộ là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này;
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khi có nhu cầu về vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Điều lệ và pháp luật liên quan;
- Cổ phần phổ thông phát hành mới phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc

11  
1  
1  
1  
3  
1  
1  
11

chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các tổ chức, cá nhân theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán;

- Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật doanh nghiệp;
- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### 3. Cổ đông sáng lập

- Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
- Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần, quyền và nghĩa vụ và các chi tiết khác của cổ đông sáng lập được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp. Danh sách chi tiết của cổ đông sáng lập nêu tại phụ lục 01 đính kèm, phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

## Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

- f) Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
  - g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
  - h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
- a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
  - b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới;
  - c) Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên (10.000.000 ĐVN) *mười triệu Đồng Việt Nam*, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo Công ty cấp cổ phiếu mới.

#### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán**

Công ty có thể phát hành trái phiếu, Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình, Nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thì thực hiện tương tự như thủ tục phát hành cổ phần theo quy định pháp luật.

#### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng văn bản.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không hưởng cổ tức.



4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

#### **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trong trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị sẽ thông báo và yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo yêu cầu thanh toán phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu 07 (bảy) ngày, tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán, thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu thì số cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó, Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể hoặc trực tiếp bán hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc người khác mua lại số cổ phần đó.
5. Cổ đông có cổ phần bị thu hồi bị mất tư cách cổ đông đối với số cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới số cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc khi nộp lại cho Công ty, cộng với tiền lãi theo lãi suất (không quá 12%/năm) do quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày bị

thu hồi hoặc nộp lại cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cưỡng chế buộc thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hay nộp lại hoặc miễn giảm việc ấy trong những mức độ nào đó.

6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; Nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

#### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty**

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Giám đốc;
- d) Ban Kiểm soát.

#### **Điều 11. Quyền hạn của cổ đông Công ty**

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

3. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ, yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản 3 Điều này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại khoản 3 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:

- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật doanh nghiệp;
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e) Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi Công ty mất khả năng thanh toán.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông**

Các cổ đông phổ thông của Công ty có các nghĩa vụ sau:

1. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty mua hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
2. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất 50% so với vốn khi thành lập;

- c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d) Một cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:**

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì trong 30 (ba mươi) ngày tiếp theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;
- e) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

**Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
  - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
  - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định các vấn đề sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
  - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - g) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - h) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp;
  - j) Lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
  - k) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - m) Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Giám đốc điều hành;

n) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất.

3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

#### **Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký hợp pháp của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký hợp pháp của người đại diện theo pháp luật của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.

3. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Việc uỷ quyền, hủy bỏ uỷ quyền phải tuân thủ theo các quy định của Luật dân sự.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

Trường hợp vốn của Công ty được chia lại thành các loại cổ phần khác nhau, các quyền dành cho từng loại cổ phần có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ thì phải được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tại cuộc họp nhất trí.

#### **Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị là người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp năm 2014.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

- d) Chuẩn bị tài liệu cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 3 điều này;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

### 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;
- b) Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty;
- c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
  - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
  - Phiếu biểu quyết;
  - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
  - Tài liệu họp theo thông báo mời họp đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: [www.pvoilphumy.vn](http://www.pvoilphumy.vn)

### 4. Chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;



- c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
  - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục 06 (sáu) tháng trở lên.
  - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### 5. Danh sách cổ đông dự họp

- a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;
- c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; Yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 18. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

d) Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

## **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hình thức thông qua nghị quyết: Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:
  - a) Định hướng phát triển Công ty;
  - b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - f) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - g) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - h) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - i) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty.
3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;

- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Gửi thư bảo đảm, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên

trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp;

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

### **Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 25. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị**

1. Số thành viên của Hội đồng quản trị là 05 (năm) người, trừ trường hợp các quy định tại Điều 156 Luật doanh nghiệp và Điều 28 Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 05 (năm); Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

2. Bầu Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, cụ thể: Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, nếu bầu lại vẫn có số phiếu ngang nhau thì lựa chọn theo quy chế bầu cử của Công ty.

3. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử và dồn phiếu bầu cho người do họ đề cử.

4. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định, số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau:

- a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
- b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
- f) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
- g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;
- h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên;

Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được đề cử, số ứng cử viên còn lại sẽ do Hội đồng quản trị đề cử.



5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

6. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định.

**Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn 12 tháng;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và Người quản lý Công ty; Quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những Người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu phần vốn góp, tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
  - o) Thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty;
  - p) Quyết định mức giá mua cổ phần của Công ty;
  - q) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;
  - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những Người quản lý khác trong năm tài chính.
4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT:
- a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nếu kiêm nhiệm chức vụ khác tại Công ty ngoài tiền thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thì sẽ được hưởng tiền lương hoặc thù lao theo chức vụ đó, mức tiền lương hoặc thù lao theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
  - b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Có đơn từ chức;
  - d) Trong trường hợp người được bầu vào Hội đồng quản trị là Người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông, khi cổ đông thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp đồng thời có yêu cầu cụ thể Người đại diện bị thay thế đó không còn là thành viên Hội đồng quản trị nữa thì thành viên đó không còn là thành viên Hội đồng quản trị kể từ khi Công ty nhận được văn bản yêu cầu của cổ đông;
  - e) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, thành viên đó sẽ không còn là thành viên Hội đồng quản trị kể từ thời điểm Công ty nhận được đơn hoặc thời điểm khác muộn hơn thời điểm Công ty nhận được đơn được ghi cụ thể trong đơn từ chức;

- f) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
  - b) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận

và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư.

Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

- a) Việc biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị bằng phiếu biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc Người liên quan tới thành viên đó có lợi ích. Hợp đồng, giao

dịch vi phạm khoản này sẽ bị vô hiệu, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người ký kết hợp đồng có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;

d) Nghị quyết của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp HĐQT ký, hình thức tuân thủ theo hình thức trình bày văn bản của pháp luật.

Nghị quyết Hội đồng quản trị phải ghi rõ các nội dung được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, hiệu lực thi hành, người tổ chức thực hiện.

**12. Những người họp dự thính:** Giám đốc, các Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và Trưởng các Phòng/Ban có thể được Chủ tịch HĐQT mời họp, những người này được tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết.

**13. Biên bản họp Hội đồng quản trị:**

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, việc ghi âm phải được thông báo trước cho các thành viên dự họp, chỉ được phục vụ cho việc hoàn thiện biên bản cuộc họp và không được sử dụng vào mục đích nào khác; Băng ghi âm phải lưu giữ tại trụ sở Công ty theo quy định pháp luật.

b) Biên bản phải lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; các họ tên, chức vụ thành viên dự thính;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 30. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai lợi ích và những Người có liên quan của Công ty thực hiện sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
  - a) Công ty phải thông báo danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
  - b) Danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
  - c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
  - d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những Người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất, không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích

lục và sao chép nội dung kê khai Người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo các quy chế, quy định của Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; Nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

**Điều 31. Người đại diện theo pháp luật và tổ chức bộ máy quản lý**

1. Người đại diện theo pháp luật

Công ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

2. Tổ chức bộ máy quản lý

a) Cơ cấu các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng/Phó Chi nhánh (nếu có) các Phòng/Ban chức năng và các Ca vận hành;

b) Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty.

**Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người quản lý khác**

1. Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác.

a) Công ty trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc, Người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;

b) Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác được trả theo quy định, sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách hưởng thù lao công việc và được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách hưởng thù lao theo Quy chế nội bộ của Công ty. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;



- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
  - Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo Quy chế nội bộ của Công ty.
  - c) Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
2. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định, sau đây:
- a) Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;
  - b) Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
  - c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **Điều 33. Giám đốc Công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Trường hợp điều hành này trái với quy định này thì Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm; Có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật doanh nghiệp.

3. Giám đốc Công ty có thể bị bãi nhiệm theo trình tự hợp và ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. Trường hợp Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị thì không có quyền biểu quyết. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Kiến nghị về số lượng, mức lương, thù lao các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị;
- h) Tuyển dụng lao động theo kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
- i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- j) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- k) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- l) Lập, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- m) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- n) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- o) Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.

**Điều 34. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty**

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 (sáu) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ và Điều 160 của Luật doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

### **Điều 35. Thư ký Công ty**

Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng 01 (một) Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Thư ký có nhiệm vụ sau:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Trách nhiệm của Người quản lý Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **Điều 37. Trách nhiệm trung thực và các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, vì lợi ích cá nhân; Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua giao dịch với các tổ chức, cá nhân. Họ chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên khác không có lợi ích liên quan tán thành.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Người quản lý khác và những Người liên quan của họ mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có thông qua.

4. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, Người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp và Điều 30 Điều lệ này.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; Đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; Đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, một nhân viên quản lý hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

### **Điều 38. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.;
- b) Triệu tập họp Ban kiểm soát theo quy định;
- c) Yêu cầu Công ty cung cấp thông tin theo quy chế, Điều lệ và Luật doanh nghiệp.
- d) Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị họp Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 153 Luật doanh nghiệp;
- e) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- f) Lập báo cáo của Ban kiểm soát theo quy định;
- g) Có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; Tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông

sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng;

f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 36 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

i) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

j) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

l) Đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập;

m) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, quy chế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- b) Các Nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 39. Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên có tiêu chuẩn điều kiện sau:
  - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
  - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác;
  - c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc Người lao động của Công ty;
  - d) Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
  - e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật liên quan;
2. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Việc bầu Ban kiểm soát được quy định tại khoản 2; 3; 4 Điều 25 Điều lệ này và quy định tại Luật doanh nghiệp.
3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không đủ tiêu chuẩn kiểm soát viên quy định tại khoản 1 Điều này;
  - b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
  - c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình liên tục trong 06 (sáu) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - d) Thành viên đó bị miễn nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Vi phạm nghiêm trọng nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định tại quy chế, Điều lệ, Luật doanh nghiệp;
  - c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 40. Quy chế nội bộ và hoạt động của tổ chức chính trị xã hội trong Công ty**



1. Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế quản lý nội bộ, Quy chế phối hợp làm việc giữa Cấp ủy đảng, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty theo chức năng và thẩm quyền phù hợp với quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan khác.
2. Giám đốc Công ty xây dựng các quy định, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
3. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam.
4. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ tổ chức và hoạt động theo quy định tại quy chế, Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và điều lệ hoạt động của tổ chức đó.

#### **Điều 41. Cổ tức**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định chi trả cổ tức trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng quản trị. Việc chi trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi đủ các điều kiện sau:
  - a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
  - b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông theo đúng tên Cổ đông và tài khoản đăng ký của Cổ đông đó. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.  
Việc chi trả bằng cổ phần được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Những cổ phần bổ sung này được ghi là cổ phần đã thanh toán cho cổ đông, giá trị của các cổ phần bổ sung này tương đương với số tiền mặt của cổ tức mà cổ đông đó được nhận.

11/2016 - 11/2016

3. Hội đồng quản trị có thể đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với lợi nhuận của Công ty.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
  - a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
  - c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
  - d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
  - e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

#### **Điều 42. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ**

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

1. Chia lãi cho các cổ đông.

11/11/2016 14:11

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:
  - a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty;
  - b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp;
  - c) Các quỹ khác (nếu có) do Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị và được Đại Hội đồng cổ đông Công ty phê chuẩn.

#### **Điều 43. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 44. Năm tài khóa**

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

#### **Điều 45. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS).
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

#### **Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (nếu Công ty đã phát hành cổ phiếu ra công chúng).

**2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm:**

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Bản cân đối kế toán của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Nếu Công ty là một Công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.

**3. Công ty phải lập các báo cáo 06 (sáu) tháng và hàng quý theo các quy định của pháp luật và phải đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, các báo cáo này phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán (nếu Công ty là Công ty đã phát hành cổ phiếu ra công chúng).**

**4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.**

Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán và báo cáo sáu tháng, quý.

**Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

**1. Công ty phải thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều 108, Điều 109 Luật doanh nghiệp.**

**2. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử các thông tin sau đây:**

- a) Điều lệ Công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc;
- c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

**3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất 03 (ba) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.**

4. Công ty phải báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày có thay đổi thông tin về họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của những người sau đây:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Kiểm soát viên;
- c) Giám đốc.

#### **Điều 48. Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm sẽ thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập lựa chọn từ danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm toán cho các công ty niêm yết để tiến hành các hoạt động kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo. Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn chính thức một Công ty kiểm toán trong danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Công ty chuẩn bị số liệu kế toán và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Trên cơ sở số liệu kế toán do Công ty cung cấp, Công ty kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Báo cáo kiểm toán sẽ phải được đính kèm với bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty có thể tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các tài liệu và các thông tin liên quan kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 49. Con dấu**

1. Số lượng con dấu: Công ty có 01 (một) con dấu.
2. Hình thức và nội dung con dấu theo " Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu" của CA tỉnh BR-VT ngày 03/12/2010, cụ thể như sau:



### Điều 50. Chấm dứt hoạt động

Công ty chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

1. Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty bị giải thể theo quy định pháp luật, việc giải thể Công ty xảy ra trong các trường hợp sau:
  - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trường hợp này phải có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết dự họp tán thành;
  - b) Công ty không còn đủ 03 (ba) cổ đông trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
4. Trình tự thủ tục giải thể:
  - a) Thông qua quyết định giải thể. Quyết định giải thể phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - Tên, địa chỉ trụ sở chính;
    - Lý do giải thể;
    - Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
    - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
    - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.
  - b) Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tài sản. Cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của Ban thanh lý tài sản được quy định tại Điều 51 Điều lệ này;

- c) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính;

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể, phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; Số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; Cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;

- d) Các khoản nợ được thanh toán theo thứ tự sau đây:

- Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- Nợ thuế;
- Các khoản nợ khác.

- e) Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.

Người đại diện theo pháp luật Công ty gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ.

#### **Điều 51. Thanh lý**

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý được lựa chọn trong số nhân viên hoặc thuê chuyên gia. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

### **Điều 52. Giải quyết tranh chấp**

1. Khi phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại, tố cáo có liên quan tới hoạt động của Công ty hoặc quyền, nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc quyền, nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hoặc các luật khác liên quan giữa:

- a) Một hoặc nhóm cổ đông với Công ty;
- b) Một cổ đông hoặc nhóm cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành hoặc Người quản lý.

Thì việc giải quyết tranh chấp của các bên sẽ được tiến hành thông qua thương lượng hoặc hoà giải.

2. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiến hành thương lượng hoặc hoà giải mà thương lượng hoặc hoà giải không thành các bên có quyền khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Khi vụ việc giải quyết tại tòa án thì phí, lệ phí của tòa án theo quy định của pháp luật.

### **Điều 53. Bổ sung và sửa Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Việc thông qua nghị quyết sửa đổi, bổ sung điều lệ bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng quy định của pháp luật để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

### **Điều 54. Hiệu lực thi hành**

- 1. Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua. Có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2016.
- 2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau.
- 3. Việc sao, trích lục Điều lệ Công ty theo quy định pháp luật về công chứng và chứng thực.